

Bản án số: 43/2023/HS-ST  
Ngày 21 - 02 - 2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA.

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Hoà;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Quàng Văn Mãng và bà Nguyễn Thị Hương.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Đào Ngọc Sơn, Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Thanh Tùng, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

**1.** Lò Văn P, sinh 22/9/1985; tại: huyện N, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: bản T, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Lò Văn G (đã chết) và bà Đinh Thị V, sinh 1956; vợ Cầm Thị M, sinh 1990 và 03 con, con lớn nhất sinh 2009, con nhỏ nhất sinh 2012; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2022 đến nay; có mặt tại phiên toà.

**2.** Lò Văn T, sinh 25/10/1992; tại: huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản T, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: La Ha; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Lò Văn M (đã chết) và bà Lò Thị K (đã chết); vợ Lò Thị T, sinh 1993 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2022 đến nay; có mặt tại phiên toà.

**- Người bào chữa cho bị cáo T:** Ông Nguyễn Văn Hải, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La; có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 00 phút ngày 15/10/2022, Lò Văn P và Lò Văn T đi bộ tại bản V, xã M, huyện M thì gặp tổ công tác Công an xã M phối hợp cùng Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về HS-KT-MT Công an huyện M làm nhiệm vụ yêu cầu kiểm tra, đấu tranh tại chỗ, Lò Văn P đã giao nộp: 01 gói giấy màu trắng bên trong có chứa cục bột màu trắng, P và T khai đó là ma túy. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng dẫn giải về Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện M để điều tra theo thẩm quyền.

Lò Văn P và Lò Văn T khai về nguồn gốc ma túy: Hồi 17 giờ 30 phút, ngày 15/10/2022 Lò Văn P đi bộ đến nhà Lò Văn T ở bản V, xã M, huyện M, P rủ T “Anh em mình cùng đi tìm mua một ít Heroine về cùng sử dụng đi”, T trả lời “Đi thì đi”, P nói “Hiện tại anh chưa có tiền, chú có ra trước nha, sau anh đưa chú sau”, T nói “Em có năm mươi nghìn đồng coi như mỗi người hai mươi lăm nghìn đồng” rồi cùng nhau đi bộ đến nhà Lò Văn H ở bản G, xã M, huyện M, T vào trong nhà mua được ma túy mang ra đưa cho P cất giữ rồi cùng nhau đi về thì bị bắt.

Ngày 15/10/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong cân tịnh tách bì, xác định khối lượng và lấy mẫu giám định tang vật thu giữ khi bắt quả tang Lò Văn P và Lò Văn T như sau: Cục bộ màu trắng trong gói giấy màu trắng có khối lượng 0,12 gam, lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định ký hiệu là PT. Còn lại: 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 01 mảnh giấy niêm phong lưu kho vật chứng theo quy định.

Ngày 18/10/2022 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số 1641/KL-KTHS, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu PT là ma túy; loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,12 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,12 gam; loại Heroine”.

Thực hiện điều tra, xác minh, đối chất giữa Lò Văn T và Lò Văn H nhưng Lò Văn H không thừa nhận việc bán trái phép chất ma túy cho T và không thu thập được tài liệu nào khác.

Bản cáo trạng số 16/CT-VKS-ML ngày 16/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị cáo Lò Văn P và Lò Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đó là do nghiện ma túy nên đã mua ma túy cất giữ, mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị bắt như cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M luận tội và tranh luận: đề nghị tuyên bố các bị cáo Lò Văn P và Lò Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, 58 Bộ luật

Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn P từ 18 đến 24 tháng tù; xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 17 đến 23 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy: 01 vỏ phong bì và 01 mảnh giấy màu trắng. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; buộc bị cáo Phần phải chịu án phí theo quy định; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí cho bị cáo Tiếp.

Người bào chữa cho bị cáo T tranh luận: đồng ý với nội dung cáo trạng và lời khai bị cáo đã trình bày; bị cáo là người dân tộc thiểu số, hiểu biết về đời sống xã hội và pháp luật hạn chế, hộ nghèo; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình, xã hội; xin được miễn án phí cho bị cáo T; các nội dung khác nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát.

Bị cáo Lò Văn T bổ sung bào chữa, tranh luận: bị cáo xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, xin được miễn án phí.

Bị cáo Lò Văn P tự bào chữa, tranh luận: Do bản thân nghiện ma túy nên mua ma túy cất giữ, mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị bắt như cáo trạng đã nêu; nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M; xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là thống nhất, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, xác định: Hồi 17 giờ 30 phút, ngày 15/10/2022, bị cáo Lò Văn P và Lò Văn T đã rủ nhau cùng thống nhất góp 50.000VNĐ rồi cùng nhau đi mua ma túy, Tiếp trực tiếp mua ma túy rồi đưa cho P cất giữ để cùng sử dụng, khi về đến bản V, xã M, huyện M thì gặp Tổ công tác

Công an xã M phối hợp cùng Đội Cảnh sát điều tra tội phạm Công an huyện M làm nhiệm vụ kiểm tra phát hiện bị cáo P cất giữ 01 gói giấy màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng, P và T khai nhận đó là ma túy. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người quả tang, hồi 18 giờ 10 phút ngày 15/10/2022, thu giữ, niêm phong vật chứng. Tại kết luận giám định số 1641/KL-KTHS, ngày 18/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu PT là ma túy; loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,12 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,12 gam; loại Heroine”. Như vậy, Lò Văn P và Lò Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi cất giấu, cất giữ trái phép chất ma túy là xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lò Văn P và Lò Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, tội phạm và hình phạt được quy định như sau: “1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi: Bị cáo được Đảng và Nhà nước tuyên truyền, vận động, cấm sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy nhưng ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, vì sử dụng ma túy các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự phân công, không có sự cấu kết chặt chẽ nên chưa được coi là có tổ chức, theo quy định tại các Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự thì các bị cáo là đồng phạm giản đơn, có tính chất và giữ vai trò như nhau (P và T cùng có chung mục đích từ trước, P là người rủ và cất giữ trái phép chất ma túy, còn T là người ứng tiền ra trước và trực tiếp mua) để cùng được sử dụng ma túy. Hành vi cất giấu, cất giữ trái phép chất ma túy có tổng khối lượng 0,12 gam là nguy hiểm cho xã hội; với lỗi cố ý trực tiếp các bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; tội phạm các bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hành vi phạm tội nghiêm trọng, không những làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, sự phát triển về thể chất của con người, suy giảm khả năng lao động do nghiện ma túy và kinh tế của gia đình các bị cáo mà còn ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương, là nguyên nhân gây ra những loại tội phạm, vi phạm pháp luật khác nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết các bị cáo phạm tội và đề nghị phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: các bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (luôn thể hiện sự căm rứt lương tâm, chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành

người tốt). Do đó, xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo là người dân lao động, người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế, khối lượng ma túy không lớn, mục đích tàng trữ trái phép ma túy để sử dụng, cần xem xét giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy (phiếu xét nghiệm dương tính (+) với ma túy), không có khả năng tự cải tạo nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

[7] Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa xác định: không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; các bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 15/10/2022 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[9] Đối với Lò Văn H, Cơ quan điều tra đã xác minh, đối chất nhưng Lò Văn H không thừa nhận việc bán trái phép chất ma túy cho T và không thu thập được tài liệu khác ngoài lời khai của bị cáo T nên không có cơ sở chứng minh, xử lý theo vụ án.

[10] Vật chứng của vụ án:

Cơ quan chức năng đã lấy mẫu giám định 0,12 gam Heroine không hoàn lại mẫu giám định nên không có cơ sở xử lý.

Hiện đang lưu kho vật chứng: 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu và 01 mảnh giấy màu trắng là vật chứng không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo Tiếp là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí. Bị cáo P là người dân tộc thiểu số nhưng không sống ở vùng đặc biệt khó khăn, không có căn cứ miễn, giảm nộp tiền án phí. Do đó, buộc bị cáo Phần phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo Lò Văn P và Lò Văn T.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn P và Lò Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt:

Bị cáo Lò Văn P 19 (Mười chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (15/10/2022).

Bị cáo Lò Văn T 19 (Mười chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (15/10/2022). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu và tiêu hủy: 01 vỏ phong bì, 01 mảnh giấy màu trắng của Lò Văn P (Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La).

4. Về án phí:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn T.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: buộc bị cáo Lò Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/02/2022).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- CA h.M (Bộ phận Hồ sơ, CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú; Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hoà**

